

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:56/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 3 năm 2022
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh N

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Bảng–Bà Nguyễn Thị Hà.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2022/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:69/2022/QĐST- HNGĐ ngày 12/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2022/QĐ-HPT ngày 23/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Huyền T, sinh ngày 10/10/1993.(Có mặt)

Trú tại: xóm T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Anh Lê Vương N, sinh ngày 22/02/1993.

Trú tại: xóm T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn thì vụ án có nội dung.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Huyền T và anh Lê Vương N cưới nhau vào tháng 02/2016, hôn nhân trên cơ sở tình yêu, tự nguyện. Trước khi cưới chị Trang, anh N đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số:45 ngày 26/2/2016. Theo Chị T sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không phù hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, trong cuộc sống chung vợ chồng có những hành động, lời nói gây ra những tổn thương về tinh thần

đối với nhau. Do mâu thuẫn xảy ra liên tục trong cuộc sống chung đã làm mất tình cảm vợ chồng, hôn nhân đổ vỡ. Mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã tự hòa giải và gia đình hai bên đã hòa giải vun vén cho vợ chồng nhưng không đưa lại kết quả gì. Ngược lại mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng trầm trọng, sâu sắc hơn đã làm cho không khí trong cuộc sống chung của vợ chồng lúc nào cũng nặng nề gây khó chịu cho nhau, nên vợ chồng đã sống ly thân cắt đứt các quan hệ từ cuối năm 2019 cho đến nay. Chị T xác định không còn tình cảm đối với anh N nữa, hôn nhân đã đổ vỡ, dù có hòa giải đến đâu thì vợ chồng cũng thể đoàn tụ, chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Vương N.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Lê Quốc B (Giới tính: nam), sinh ngày 05/7/2016. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung đang được chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh N không có trách nhiệm gì đối với con chung. Nếu ly hôn chị T yêu cầu giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

- Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị Huyền T không yêu cầu tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Vương N, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng hợp lệ, yêu cầu anh có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh không hợp tác, cố tình vắng mặt. Do đó Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai, trình bày của anh N để làm cơ sở giải quyết vụ án đồng thời lưu giữ tài liệu trong hồ sơ. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa chị Trần Thị Huyền T và Anh Lê Vương N cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn chị Trần Thị Huyền T, bị đơn anh Lê Vương N, yêu cầu các đương sự có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng anh N không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị Trần Thị Huyền T có mặt, bị đơn anh Lê Vương N tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn Anh Lê Vương N.

[2]Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Trần Thị Huyền T và anh Lê Vương N đảm bảo đúng quy định của pháp luật, hôn nhân giữa chị Trang, anh N là sự tự nguyện tiến tới hôn nhân. Trước khi cưới chị T, anh N đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 45 ngày 26/2/2016 nên hôn nhân giữa chị Trần Thị Huyền T và Anh Lê Vương N là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa chị T, anh N tan rã, đổ vỡ là quá trình sống chung vợ chồng không tìm được tiếng nói, lối đi chung hôn nhân, các bên đã có những xử sự, lời nói không chuẩn mực với nhau trong cuộc sống chung. Quá trình sống ly thân, chị T, anh N không có ý thức níu kéo hôn nhân để mặc hậu quả của hôn nhân xảy ra. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh N đã hoàn toàn đổ vỡ, không thể hàn gắn. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Vương N là có căn cứ, cần xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Huyền T đối với anh Lê Vương N.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung của vợ chồng được chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Mặc dù không có sự hỗ trợ của anh N về vật chất, tinh thần, nhưng chị T vẫn nuôi dạy con tốt, con chung phát triển tốt về mọi mặt. Nay chị T đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi cho sự phát triển cho con chung, do đó cần chấp nhận về việc đề nghị giao con của chị Trần Thị Huyền T.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con, chị T trực tiếp nuôi con một mình là khó khăn về tài chính, chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là đúng, chị yêu cầu mỗi tháng anh N cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) là vừa phải phù hợp với thu nhập của anh N, nên cần buộc anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng Chị Trần Thị Huyền T mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị Huyền T không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- **Về án phí:** Buộc chị Trần Thị Huyền T, anh Lê Vương N phải nộp án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; 81; 82, 83, 107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Trần Thị Huyền T được ly hôn anh Lê Vương N
2. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu cháu Lê Quốc B (Giới tính: nam), sinh ngày 05/7/2016 cho chị Trần Thị Huyền T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Lê Vương N người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi

lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai cản trở, ngăn cấm.

Buộc: Anh Lê Vương N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị Trần Thị Huyền T mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 5/2022 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Trần Thị Huyền T làm đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nói trên, nếu anh Lê Vương N không thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26, Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Trần Thị Huyền T phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được tính trừ 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai số: 0011263 ngày 21/4/2022, chị Trang đã nộp đủ án phí.

- Buộc: Anh Lê Vương N phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã Đ, huyện Y, Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã Đ(Nơi ĐKKH)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc